

**CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH MỘC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI VĨNH MỘC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH MOC MANUFACTURING AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2400972853

**3. Ngày thành lập:** 07/09/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ dân phố 1, Thị trấn Nham Biền, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0911 140 668

Fax:

Email: congtyvinhmoc@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                       | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                           | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                  | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                  | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                             | 4390        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                              | 4649        |
| 6.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                    | 4661        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                             | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                         | 4663        |
| 9.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn vật tư, dụng cụ, trang phục, phương tiện, đồ dùng, trang thiết bị ngành bảo hộ lao động | 4669(Chính) |
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                             | 8299        |
| 11. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                                                          | 1399        |
| 12. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                  | 1410        |
| 13. | Sản xuất sản phẩm khác từ cao su                                                                                                                                | 2219        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                    | 2220        |
| 15. | Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh                                                                                                                     | 2310        |
| 16. | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                                                                       | 2399        |
| 17. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                    | 2592        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                  | 4933        |

|     |                                                                                                      |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 19. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                          | 5210                                                         |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                     | 5224                                                         |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                       | 7730                                                         |
| 22. | Xây dựng nhà để ở                                                                                    | 4101                                                         |
| 23. | Xây dựng nhà không để ở                                                                              | 4102                                                         |
| 24. | Xây dựng công trình điện                                                                             | 4221                                                         |
| 25. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                  | 4222                                                         |
| 26. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                   | 4223                                                         |
| 27. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                    | 4229                                                         |
| 28. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                | 4293                                                         |
| 29. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                           | 4299                                                         |
| 30. | Phá dỡ                                                                                               | 4311                                                         |
| 31. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                    | 4312                                                         |
| 32. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                | 4321                                                         |
| 33. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752                                                         |
| 34. | Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật        | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: PHAN NGUYỄN HẪN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/10/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075084000488

Ngày cấp: 10/07/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1806 - CT3, Khu nhà ở Bộ TLTD, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1806 - CT3, Khu nhà ở Bộ TLTD, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHAN NGUYỄN HÃN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 075084000488

Ngày cấp: 10/07/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Phòng 1806 - CT3, Khu nhà ở Bộ TLTD, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 1806 - CT3, Khu nhà ở Bộ TLTD, Tổ 17, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang